



 **LOTTE Mart**

 **LOTTE Mart**

CẨM NANG
TẬP ĐOÀN LOTTE MART

MỤC LỤC

1. GIỚI THIỆU SƠ BỘ VỀ NHÀ PHÂN PHỐI

- 1.1. Hệ thống LOTTE Mart trên thế giới
- 1.2. Hệ thống LOTTE Mart tại Việt Nam

2. GIỚI THIỆU VỀ QUY TRÌNH THU MUA/ LỰA CHỌN NHÀ CUNG CẤP

- 2.1. Ngành hàng nông sản
- 2.2. Ngành hàng thực phẩm chế biến
- 2.3. Ngành hàng thủy sản
- 2.4. Ngành hàng may mặc
- 2.5. Ngành hàng điện tử và điện gia dụng
- 2.6. Ngành hàng tiêu dùng và các mặt hàng khác

3. THÔNG TIN VỀ THỊ TRƯỜNG INDONESIA VÀ THỦ TỤC NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀO THỊ TRƯỜNG INDONESIA

4. THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC VÀ THÔNG TIN VỀ LUẬT VÀ QUY ĐỊNH NHẬP KHẨU MẶT HÀNG THỰC PHẨM

I. GIỚI THIỆU SƠ BỘ VỀ NHÀ PHÂN PHỐI

1. Giới thiệu về lịch sử phát triển và hệ thống của Tập đoàn trên thế giới

LOTTE Mart là thành viên trực thuộc **LOTTE Group**. Ngoài 116 siêu thị đang hoạt động tại Hàn Quốc, LOTTE Mart đã và đang có mặt và mở rộng hoạt động tại thị trường nước ngoài như Indonesia (49 siêu thị), Việt Nam (14 siêu thị). Mỗi ngày, LOTTE Mart hân hạnh được đón trung bình 600,000 lượt khách tới thăm và mua sắm tại hệ thống siêu thị LOTTE trên toàn cầu.

Việt Nam là một thị trường mới nổi với sức tiêu dùng lớn, dân số trẻ và chính trị ổn định. Tiến tới Việt Nam, LOTTE Mart đã tập trung phát triển tại các thành phố lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh... Và gần đây LOTTE Mart mở rộng thêm các siêu thị quy mô nhỏ, tập trung vào các sản phẩm nhãn hàng riêng (PB) và sản phẩm có lượng nhỏ. Tại thị trường có tiềm năng lớn là Việt Nam, chúng tôi cho rằng ngành siêu thị cung cấp những mặt hàng thiết yếu với giá cả ổn định vẫn sẽ phát triển đều.



Đối với thị trường Indonesia, LOTTE Mart đang phát triển ổn định tại thị trường này, một quốc gia có 260 triệu dân và nguồn tài nguyên dồi dào phong phú. LOTTE Mart tập trung xây dựng network trên toàn Indonesia để mở rộng hoạt động, cùng với đó là mở rộng sản phẩm PB, tăng cường và

củng cố sức cạnh tranh tại thị trường này. Bên cạnh đó LOTTE Mart có kế hoạch hợp tác cùng tập đoàn Salim của Indonesia để tạo dựng Online Shopping Mall mang tên “iLOTTE”, mở rộng tập trung phát triển e-commerce trong thời gian tới.

Trong thời gian tới, LOTTE Mart nỗ lực trở thành doanh nghiệp phân phối toàn cầu với dự đoán nhận, công nhận của khách hàng về sự phát triển liên tục sản phẩm PB chất lượng cao và sự kết nối với khách hàng qua nền tảng Mobile trực tuyến.

2. Giới thiệu về hoạt động và đánh giá tiềm năng phát triển của Tập đoàn tại Việt Nam

Trải qua 14 năm đồng hành, LOTTE Mart hiện điều hành 15 siêu thị trải dài khắp các tỉnh thành Việt Nam. Tiên phong với mô hình bán lẻ hiện đại, LOTTE Mart giới thiệu đến người tiêu dùng danh mục hàng hóa đa dạng hơn 50.000 mặt hàng từ thực phẩm, đồ gia dụng, thời trang, điện máy... có chất lượng vượt trội, giá cả hợp lý và dịch vụ chuyên nghiệp, tận tâm; hơn 2.100 sản phẩm nhãn hàng riêng trong đó có nhiều sản phẩm đã từng gây tiếng vang tại thị trường Hàn Quốc, góp phần nâng cao sự tiện dụng và tạo ra những trải nghiệm mua sắm thú vị cho người tiêu dùng Việt Nam, bao gồm: các gian hàng ẩm thực, vui chơi, giải trí, không gian văn hóa nghệ thuật cuối tuần, tham gia các chương trình hoạt náo thú vị tại các siêu thị LOTTE Mart trên toàn quốc...



Bên cạnh, LOTTE Mart còn nhận được rất nhiều các giải thưởng uy tín như: Top 10 nhà bán lẻ uy tín Việt Nam, Giải thưởng nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam, Top 100 công ty có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam...Đại siêu thị LOTTE Mart trên khắp các thành phố lớn tại Việt Nam, liên tục 2 năm liền nằm trong top 10 Nhà bán lẻ uy tín Việt Nam và

luôn trong top 10 Nhà bán lẻ uy tín Việt Nam. LOTTE Mart đã khẳng định vị thế của mình trên thị trường, đồng thời một lần nữa ghi nhận những thành tựu, đóng góp của LOTTE Mart trong ngành bán lẻ nói riêng và sự phát triển kinh tế – xã hội của Việt Nam nói chung. Danh sách chuỗi 14 siêu thị LOTTE Mart Việt Nam:

STT	Siêu thị LOTTE Mart	Ngày thành lập
1	Siêu thị LOTTE Mart Quận 7	18/12/2008
2	Siêu thị LOTTE Mart Quận 11	01/07/2010
3	Siêu thị LOTTE Mart Tân Bình	18/12/2014
4	Siêu thị LOTTE Mart Gò Vấp	28/04/2016
5	Siêu thị LOTTE Mart Bình Dương	21/11/2013
6	Siêu thị LOTTE Mart Đồng Nai	29/11/2012
7	Siêu thị LOTTE Mart Vũng Tàu	27/11/2014
8	Siêu thị LOTTE Mart Nha Trang	28/07/2016
9	Siêu thị LOTTE Mart Phan Thiết	05/12/2013
10	Siêu thị LOTTE Mart Cần Thơ	15/10/2015
11	Siêu thị LOTTE Mart Đà Nẵng	21/12/2012
12	Siêu thị LOTTE Mart Đồng Đa	27/03/2014
13	Siêu thị LOTTE Mart Ba Đình	02/09/2014
14	Siêu thị LOTTE Mart Cầu Giấy	26/02/2019

II. GIỚI THIỆU VỀ QUY TRÌNH THU MUA/ LỰA CHỌN NHÀ CUNG CẤP

1. Hàng nông sản được nhập khẩu trực tiếp

Mặt hàng					
	Thứ tự đánh giá 1	Thứ tự đánh giá 2	Thứ tự đánh giá 3	Thứ tự đánh giá 4	Thứ tự đánh giá 5
Hạt điều	Mỗi hạt kích thước WW240 trở lên	Kinh nghiệm sản xuất PB cho cửa hàng bán lẻ lớn.	Cơ sở tự sản xuất được chứng nhận HACCP (trụ tiên)	Có thể đóng gói chân không (bắt buộc)	Có kinh nghiệm xuất khẩu sang Hàn Quốc/ Nhật Bản (từ 1 năm trở lên)
Quả đông lạnh	Cơ sở đóng gói có chứng nhận liên quan đến vệ sinh như HACCP	Cơ sở có thể cấp đông nhanh riêng lẻ IQF và có dây chuyền đóng gói tự động ngay tại vùng sản xuất.	Có kinh nghiệm xuất khẩu sang Hàn Quốc và ở khu vực không có vấn đề về vệ sinh giống như trường hợp phát hiện E.coli ở Hàn Quốc.		
Thanh long	Có thể đáp ứng đóng gói với quy cách 12EA/ 1 thùng 5KG	Có thiết bị gia nhiệt VHT. Không có vấn đề với kiểm	Chỉ có thể nhập khẩu giống thanh long ruột trắng (Thanh		

		dịch Hàn Quốc.	long ruột đỏ do vấn đề về độ tươi nên chưa nhập khẩu được)		
Hạt Macca	Style1 (Whole kernels 17-20mm)	Có thể đóng gói chân không (bắt buộc)	Kiểm nghiệm Peroxide/Aflatoxin (bắt buộc)	Ưu tiên đơn vị có kinh nghiệm xuất khẩu sang Hàn Quốc/ Nhật Bản (từ 1 năm trở lên)	
Chuối	Nguồn trồng đạt độ cao trên 700m so với mực nước biển	Sản lượng trong năm trung bình trên 70t(5c/t) / 1 tuần	Quy cách đóng gói đạt 13kg/ hộp, 10EA	Chỉ số thuốc trừ sâu bị cấm có những thành phần như chì và cadmium ... phải dưới mức tiêu chuẩn cho phép.	Lợi thế về chi phí so sánh với các sản phẩm của Philippines (Trên ▲ 15%)
Quả quýt	Frozen Whole (20-30mm)	Cơ sở có thể cấp đông nhanh riêng lẻ IQF	Kiểm nghiệm không có E.coli (Yêu cầu kiểm nghiệm trước)	Chỉ số thuốc trừ sâu bị cấm có những thành phần như chì và cadmium ... phải dưới mức tiêu chuẩn cho phép.	Cơ sở tự sản xuất được chứng nhận HACCP (ưu tiên)
Dừa	Có thể đóng gói với quy cách 9EA trong 1 thùng 9KG				
Sầu riêng	Có thể đóng gói với quy cách 4~5EA trong 1 thùng 12KG				
Hạt tiêu	Chứng chỉ chất lượng toàn cầu như HCCP và BRC (bắt buộc)	Cung cấp các giấy tờ cơ bản cần thiết để xuất khẩu sang Hàn Quốc như bảng thành phần, quy trình sản xuất	Khi sản xuất PB, cần cung cấp dữ liệu thử nghiệm liên quan đến đặt hạn sử dụng	Có thể sản xuất Hộp Carton RRP (theo tiêu chuẩn của LOTTE Mart)	

Xoài	Có thể đóng gói với quy cách 10,12,14,16,20E A trên 1 hộp 5KG	Vùng trồng ở đồng bằng Sông Cửu Long và có thể xuất khẩu sang Hàn Quốc.	Có thiết bị gia nhiệt VHT. Không có vấn đề với kiểm dịch Hàn Quốc.		
-------------	---	---	--	--	--

2. Hàng thực phẩm chế biến nhập khẩu trực tiếp

Mặt hàng	Guideline			
	Thứ tự đánh giá 1	Thứ tự đánh giá 2	Thứ tự đánh giá 3	Thứ tự đánh giá 4
Khô cá bò	Cơ sở tự sản xuất đạt chứng nhận HACCP (ưu tiên)	Kiểm nghiệm không có E.coli (Yêu cầu kiểm nghiệm trước)	Có kinh nghiệm xuất khẩu sang Hàn Quốc/ Nhật Bản (từ 1 năm trở lên - bắt buộc)	
Hoa quả sấy	Lợi thế về chi phí so với nguyên liệu trong nước (trên ▲ 15%)	Kinh nghiệp sản xuất PB cho cửa hàng bán lẻ lớn.	Quản lý rủi ro chất lượng (chứng nhận HACCP / ISO)	Kiểm nghiệm không có E.coli (Yêu cầu kiểm nghiệm trước)
Mực khô	Cơ sở tự sản xuất được chứng nhận HACCP (ưu tiên)	Kiểm nghiệm không có E.coli (Yêu cầu kiểm nghiệm trước)	Có kinh nghiệm xuất khẩu sang Hàn Quốc/ Nhật Bản (Trên 1 năm - Bắt buộc)	
Ớt khô	Cơ sở tự sản xuất được chứng nhận HACCP (ưu tiên)	Chỉ số thuốc trừ sâu bị cấm có những thành phần như chì và cadmium ... phải dưới mức tiêu chuẩn cho phép.	Có kinh nghiệm xuất khẩu sang Hàn Quốc/ Nhật Bản (Trên 1 năm- Bắt buộc)	
Bột quế	Chứng chỉ chất lượng toàn cầu như HCCP và BRC (bắt buộc)	Cung cấp các giấy tờ cơ bản cần thiết để xuất khẩu sang Hàn Quốc như bảng thành phần, quy trình sản xuất	Khi sản xuất PB, cần cung cấp dữ liệu thử nghiệm liên quan đến đặt hạn sử dụng	Có thể sản xuất Hộp Carton RRP (theo tiêu chuẩn của LOTTE Mart)

3. Hàng thủy sản được nhập khẩu trực tiếp

Mặt hàng	Guideline					
	Thứ tự đánh giá 1	Thứ tự đánh giá 2	Thứ tự đánh giá 3	Thứ tự đánh giá 4	Thứ tự đánh giá 5	Thứ tự đánh giá 6
Tôm	Xem xét đã có xét nghiệm vi rút giáp xác lây nhiễm hay chưa. Trước khi xuất khẩu phải có kết	Tuân thủ các điều kiện kiểm dịch/ kiểm tra ở nước xuất khẩu và nhập	Tuân thủ các tiêu chuẩn về sử dụng hóa chất và phụ gia thực	Chứng nhận về chất lượng và cơ sở sản xuất (bắt buộc phải có	Cỡ tôm trung bình (Uniformity - độ đồng đều dưới 1.25), tuân thủ	Đánh giá cảm quan khác

	quả kiểm nghiệm vì rút và giấy chứng nhận vệ sinh.	khẩu. Điều kiện trả lại miễn phí trong trường hợp không phù hợp.	phẩm	ISO22000, ưu tiên BRC, ASC)	nghiêm ngặt các thông số kỹ thuật chi tiết cho từng đơn hàng.	
Tôm thịt	Nhà xuất khẩu chịu trách nhiệm về việc có/ không có các xét nghiệm về thuốc và kháng sinh bị cấm, trước khi xuất khẩu báo các xét nghiệm hóa lý và giấy chứng nhận vệ sinh, thuốc và kháng sinh bị cấm.	Tuân thủ các điều kiện kiểm dịch/ kiểm tra ở nước xuất khẩu và nhập khẩu. Điều kiện trả lại miễn phí trong trường hợp không phù hợp.	Tuân thủ các tiêu chuẩn về sử dụng hóa chất và phụ gia thực phẩm	Chứng nhận về chất lượng và cơ sở sản xuất (bắt buộc phải có ISO22000, ưu tiên BRC, ASC)	Cỡ tôm trung bình (Uniformity - độ đồng đều dưới 1.25), tuân thủ nghiêm ngặt các thông số kỹ thuật chi tiết cho từng đơn hàng.	Đánh giá cảm quan khác
Bạch tuộc (loại vừa)	Kiểm nghiệm có/ không có thuốc và kim loại nặng bị cấm. Xét nghiệm hóa lý thường kỳ trước khi xuất khẩu. Lưu trữ báo cáo kiểm nghiệm kim loại nặng và giấy chứng nhận vệ sinh. Nhà xuất khẩu chịu mọi trách nhiệm nếu phát hiện ra có thuốc và kim loại nặng bị cấm.	Tuân thủ các điều kiện kiểm dịch/ kiểm tra ở nước xuất khẩu và nhập khẩu. Điều kiện trả lại miễn phí trong trường hợp không phù hợp.	Tuân thủ các tiêu chuẩn về sử dụng hóa chất và phụ gia thực phẩm	Chứng nhận về chất lượng và cơ sở sản xuất (bắt buộc phải có ISO22000, ưu tiên BRC, ASC)	Tuân thủ nghiêm ngặt các thông số kỹ thuật cho từng đơn hàng, chẳng hạn như kích thước trung bình của nguyên liệu thô, quy cách cắt.	Đánh giá cảm quan khác
Bạch tuộc con	Kiểm nghiệm có/ không có thuốc và kim loại nặng bị cấm. Xét nghiệm hóa lý thường kỳ trước khi xuất khẩu. Lưu trữ báo cáo kiểm nghiệm kim loại nặng và	Tuân thủ các điều kiện kiểm dịch/ kiểm tra ở nước xuất khẩu và nhập khẩu. Điều kiện trả lại miễn phí	Tuân thủ các tiêu chuẩn về sử dụng hóa chất và phụ gia thực phẩm.	Chứng nhận về chất lượng và cơ sở sản xuất (bắt buộc phải có ISO22000, ưu tiên BRC, ASC)	Tuân thủ nghiêm ngặt các thông số kỹ thuật cho từng đơn hàng, chẳng hạn như kích thước trung bình của nguyên liệu thô,	Đánh giá cảm quan khác

	giấy chứng nhận vệ sinh. Nhà xuất khẩu chịu mọi trách nhiệm nếu phát hiện ra có thuốc và kim loại nặng bị cấm.	trong trường hợp không phù hợp.			quy cách cắt.	
Cá Dipory (cá trích)	Cơ sở tự sản xuất được chứng nhận HACCP (ưu tiên)	Kiểm nghiệm không có E.coli (Yêu cầu kiểm nghiệm trước)	Có kinh nghiệm xuất khẩu sang Hàn Quốc/ Nhật Bản (Trên 1 năm - Bắt buộc)			

4. Hàng may mặc đang được nhập khẩu

Mặt hàng						
	Thứ tự đánh giá 1	Thứ tự đánh giá 2	Thứ tự đánh giá 3	Thứ tự đánh giá 4	Thứ tự đánh giá 5	Thứ tự đánh giá 6
Tất	Tuân thủ các yêu cầu về an toàn chất độc hại (formaldehyde / arylamine, v.v.)	Chống giặt (Chỉ số biến đổi trong khoảng 3%)	Biến đổi-phai màu: cấp 4 trở lên	Độ bền nhuộm màu: cấp 4 trở lên	Pilling: cấp 3 trở lên	Độ bền ánh sáng 3-4 hoặc cao hơn
Khăn tắm	Tuân thủ các yêu cầu về an toàn chất độc hại (formaldehyde / arylamine, v.v.)	Chống giặt (Chỉ số biến đổi trong khoảng 3%)	Biến đổi-phai màu: cấp 4 trở lên	Độ bền nhuộm màu: cấp 4 trở lên	Pilling: cấp 3 trở lên	Độ bền dưới ánh sáng mặt trời: cấp 3-4 trở lên
Underwear	Tuân thủ các yêu cầu về an toàn chất độc hại (formaldehyde / arylamine, v.v.)	Chống giặt (Chỉ số biến đổi trong khoảng 3%)	Biến đổi-phai màu: cấp 4 trở lên	Độ bền nhuộm màu: cấp 4 trở lên	Pilling: cấp 3 trở lên	Độ bền dưới ánh sáng mặt trời: cấp 3-4 trở lên
Mũ	Tuân thủ các yêu cầu về an toàn chất độc	Chống giặt (Chỉ số biến đổi trong	Biến đổi-phai màu: cấp 4 trở lên	Độ bền nhuộm màu: cấp 4 trở lên	Pilling: cấp 3 trở lên	Độ bền dưới ánh sáng mặt trời: cấp 3-4

	hại (formaldehyde / arylamine, v.v.)	khoảng 3%)				trở lên
Quần áo	Tuân thủ các yêu cầu về an toàn chất độc hại (formaldehyde / arylamine, v.v.)	Chống giặt (Chỉ số biến đổi trong khoảng 3%)	Biến đổi-phai màu: cấp 4 trở lên	Độ bền nhuộm màu: cấp 4 trở lên	Pilling: cấp 3 trở lên	Độ bền dưới ánh sáng mặt trời: cấp 3-4 trở lên
Túi	Tuân thủ các yêu cầu về an toàn chất độc hại (formaldehyde / arylamine, v.v.)	Chống giặt (Chỉ số biến đổi trong khoảng 3%)	Biến đổi-phai màu: cấp 4 trở lên	Độ bền nhuộm màu: cấp 4 trở lên	Pilling: cấp 3 trở lên	Độ bền dưới ánh sáng mặt trời: cấp 3-4 trở lên

5. Hàng điện tử và điện gia dụng

Mặt hàng: Thiết bị đèn

- Thứ tự đánh giá 1: Kiểm tra có hay không phát hiện các chất độc hại (chì, admium, chất hóa dẻo phthalate, toluen, v.v.)
- Thứ tự đánh giá 2: Đã vượt qua thử nghiệm của Viện nghiên cứu vô tuyến (thử nghiệm ngăn ngừa sự cố thiết bị chiếu sáng KN 15)
- Thứ tự đánh giá 3: Đã vượt qua bài kiểm tra của Viện nghiên cứu vô tuyến (kiểm tra khả năng miễn nhiễm KN 61547 cho thiết bị chiếu sáng)
- Thứ tự đánh giá 4: Bảo vệ chống điện giật cho các bộ phận mang điện.
- Thứ tự đánh giá 5: Kiểm tra các bộ phận không được phép sử dụng và bộ phận được sử dụng không phù hợp.

6. Hàng tiêu dùng và các mặt hàng khác đang được nhập khẩu năm 2020

6.1. Găng tay cao su:

- Thứ tự đánh giá 1: Tiêu chuẩn: S 31CM(80g)/M 36CM(100g)/L 39.5CM(105g)
- Thứ tự đánh giá 2: Kiểm tra có hay không phát hiện các chất độc hại (chì, cadmium, phenol, kẽm, formaldehyde, v.v.)
- Thứ tự đánh giá 3: Đáp ứng tiêu chuẩn của LOTTE Mart về tải trọng kéo và độ giãn dài
- Thứ tự đánh giá 4: Kiểm tra các lỗ cao su (lỗ kim) và vết xước.

6.2. Găng tay vệ sinh:

- Thứ tự đánh giá 1: Tiêu chuẩn 1đôi 4g
- Thứ tự đánh giá 2: POWDER FREE
- Thứ tự đánh giá 3: Kiểm tra có hay không phát hiện các chất độc hại (chì, cadmium, phenol, kẽm, formaldehyde, v.v.)
- Thứ tự đánh giá 4: Kiểm tra găng tay có lỗ thủng hay vết xước không.

6.3. Đồ gia dụng:

- Thứ tự đánh giá 1: Không được có chất fomandehit
- Thứ tự đánh giá 2: Đáp ứng tiêu chuẩn chịu lực (EX. Ghế 100KG)
- Thứ tự đánh giá 3: Độ ẩm gỗ dưới 12%
- Thứ tự đánh giá 4: Đáp ứng độ dày lớp mạ của các bộ phận kim loại.
- Thứ tự đánh giá 5: Lớp mạ kim loại không được bong tróc.

6.4. Xoong nồi:

- Thứ tự đánh giá 1: Đạt các tiêu chuẩn về thép không gỉ 430, 304, v.v.
- Thứ tự đánh giá 2: Kiểm tra có hay không có các chất độc hại (chì, cadmium, niken, v.v.)



- Thứ tự đánh giá 3: Đáp ứng độ bền phần thân và độ bền của tay cầm tiêu chuẩn của LOTTE Mart
- Thứ tự đánh giá 4: Đáp ứng các tiêu chuẩn của LOTTE Mart về khả năng chịu nhiệt của tay cầm và vòi.

6.5. Hộp bảo quan:

- Thứ tự đánh giá 1: Kiểm tra có hay không phát hiện các chất độc hại (bisphenol A, chì, cadmium, thủy ngân, v.v.)
- Thứ tự đánh giá 2: Không có rò rỉ
- Thứ tự đánh giá 3: Khả năng chịu nhiệt, chịu lạnh: Không có vấn đề gì sau 1 giờ thử nghiệm ở $+ -2^{\circ}\text{C}$ nhiệt độ chỉ định
- Thứ tự đánh giá 4: Làm rơi va đập (thiệt hại khi rơi 3 lần từ độ cao 90cm xuống sàn bê tông).

6.6. Túi đựng đồ bảo quản lạnh

- Thứ tự đánh giá 1: Kiểm tra các chất độc hại có được phát hiện hay không (arylamine, hóa chất thiếc hữu cơ, formaldehyde, v.v.)
- Thứ tự đánh giá 2: Độ bền với nước và giặt (cấp 3 trở lên)
- Thứ tự đánh giá 3: Độ bền ma sát (vải): khô cấp 4, ướt cấp 3 trở lên
- Thứ tự đánh giá 4: Độ bền dưới ánh sáng mặt trời (vải): đổi màu cấp 3 trở lên.
- Thứ tự đánh giá 5: Điều khoản thanh toán (LC và sau đó TT)

6.7. Dao

- Thứ tự đánh giá 1: Kiểm tra các chất độc hại có được phát hiện không (chì, cadmium, niken, v.v.)
- Thứ tự đánh giá 2: Vượt qua được thử nghiệm phun muối (8 giờ)
- Thứ tự đánh giá 3: Xử lý khả năng chịu nhiệt
- Thứ tự đánh giá 4: Kiểm tra lớp mạ (Với các sản phẩm mạ).
- Thứ tự đánh giá 5: Độ cứng của lưỡi (HRC 45 trở lên/ thép carbon 60 trở lên)

6.8. Đũa/thìa gỗ

- Thứ tự đánh giá 1: Kiểm tra có hay không phát hiện các chất độc hại (chì, cadmium, niken, asen, formaldehyde, v.v.)



- Thứ tự đánh giá 2: Không bị uốn cong hoặc nứt
- Thứ tự đánh giá 3: Lớp sơn mài phải được phủ đều và không dễ bị bong tróc
- Thứ tự đánh giá 4: Điều khoản thanh toán (LC và sau đó TT).

6.9. Đồ dùng phòng ngủ

- Thứ tự đánh giá 1: Tuân thủ các yêu cầu về an toàn chất độc hại (formaldehyde / arylamine, v.v.)
- Thứ tự đánh giá 2: Chống giặt (Chỉ số biến đổi trong khoảng 3%)

- Thứ tự đánh giá 3: Biến đổi-phai màu: cấp 4 trở lên
- Thứ tự đánh giá 4: Độ bền nhuộm màu: cấp 4 trở lên
- Thứ tự đánh giá 5: Pilling: cấp 3 trở lên.

6.10. Treo quần áo

- Thứ tự đánh giá 1: Độ bền của phần móc (không biến dạng khi kéo/ cường độ 100N trở lên)
- Thứ tự đánh giá 2: Vượt qua thử nghiệm chống ăn mòn (kim loại): thử nghiệm phun muối (8 giờ)
- Thứ tự đánh giá 3: Thả va đập vỡ X

6.11. Quả bóng rổ

- Thứ tự đánh giá 1: Bóng chính thức của FIBA(Liên đoàn bóng rổ quốc tế) hay không
- Thứ tự đánh giá 2: Cung cấp chứng chỉ FA như BSCI
- Thứ tự đánh giá 3: Các loại vải chất lượng cao có được sử dụng hay không (ví dụ: polyurethane (sợi nhỏ))
- Thứ tự đánh giá 4: Có thể sản xuất Hộp Carton RRP (theo tiêu chuẩn của LOTTE Mart)

II. THÔNG TIN VỀ THỊ TRƯỜNG INDONESIA VÀ QUY ĐỊNH, THỦ TỤC NHẬP KHẨU HÀNG HÓA

1. Thông tin chung

Indonesia là thị trường lớn nhất ở Đông Nam Á. Trong giai đoạn 2015-2018, nền kinh tế Indonesia tăng trưởng ổn định với tốc độ trung bình 5,0% / năm, cao hơn mức trung bình 4,5% / năm của các nước đang phát triển khác. Năm 2019, tăng trưởng GDP và lĩnh vực tiêu dùng hộ gia đình – lĩnh vực thúc đẩy lớn cho tăng trưởng kinh tế của Indonesia, lần lượt đạt mức 5,02% và 5,04%. Tiêu dùng hộ gia đình, giảm ở mức -0,62% trong năm 2015 và đạt mức cao nhất ở mức 12,19% vào năm 2014. GDP bình quân đầu người tiếp tục tăng từ 3.531 USD năm 2014 lên 3.927 USD năm 2018, cao hơn mức thu nhập quốc dân (GNI) bình quân đầu người là 3.820 USD. Tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống còn 5,34% trong



năm 2018, so với mức 5,94% của năm 2014. Mua sắm Chính phủ đã tăng 3,25% trong năm 2019, do tác động từ quyết định của Chính phủ Indonesia về việc phân bổ các khoản tiền viện trợ xã hội cho người nghèo. Mặc dù tốc độ chi tiêu của Chính phủ năm 2019 chậm hơn so với tốc độ tăng của năm 2018 (4,8%), nhưng tỷ lệ dành cho viện trợ xã hội đã tăng từ 6% lên 8%.

Nhân tố đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế này là các chính sách cải cách của Chính phủ Indonesia, bao gồm các chính sách cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh công nghiệp, nâng cao hiệu quả logistics, kích thích xuất khẩu, thúc đẩy du lịch và tăng cường sức mua của người dân. Những thay đổi tích cực trong các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế đã đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế của Indonesia, trong đó ngành dịch vụ là động lực tăng trưởng chính. Ngành dịch vụ tiếp tục là ngành có tốc độ tăng trưởng lớn nhất năm 2019, trong đó với sự tăng trưởng đáng kể của ngành dịch vụ thông tin và truyền thông (9,41%) cũng như ngành vận tải và kho bãi (6,40%). Ngược lại, ngành sản xuất chỉ tăng trưởng 3,8%. Trong khi đó, ngành sản xuất phi dầu khí tăng trưởng trên 4% trong năm 2019.

Indonesia được dự đoán sẽ bước vào giai đoạn mới trong quá trình phát triển kinh tế, do sự đa dạng trong hệ thống nhân khẩu và quy mô đáng kể của lực lượng lao động. Theo số liệu điều tra dân số năm 2018, khoảng 68% tổng dân số Indonesia (179,13 triệu người) đang trong độ tuổi lao động (15-64 tuổi). Trong giai đoạn 2015-2018, việc mở rộng các hoạt động kinh tế trong nước đã tạo ra thêm 9 triệu việc làm.

2. Thủ tục nhập khẩu nói chung

Indonesia là quốc gia có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, có thể được sử dụng làm đầu vào sản xuất cũng như tạo ra sản phẩm cuối cùng. Các ngành



dựa vào tài nguyên thiên nhiên, chẳng hạn như nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và khai thác mỏ, đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra doanh thu, việc làm cũng như cải thiện sinh kế, và sẽ tiếp tục quan trọng. Trong năm 2016, xuất khẩu hàng hóa chủ yếu là các sản phẩm sơ cấp trong đó đóng góp lớn nhất đến từ xuất khẩu dầu cò (8,96%), than đá (8,64%), khí dầu mỏ

(4,53%), dầu mỏ và dầu thô (3,23%), và cao su tự nhiên (2,32%).

Nhập khẩu chủ yếu là các sản phẩm thứ cấp và nguyên liệu sản xuất, một số cho tiêu dùng cuối cùng, một số khác cho đầu vào công nghiệp. Trong năm 2016, nhập khẩu chủ yếu là khoáng sản (xăng, dầu và tinh chế, chiếm 6,75% nhập khẩu, trong khi xăng, dầu và dầu thô, chiếm 4,14% xuất khẩu); điện tử (điện thoại, thiết bị truyền dẫn vô tuyến điện và TV chiếm 2,08% kim ngạch nhập khẩu và 1,53% kim ngạch xuất khẩu); phụ tùng xe (1,85%, nhập khẩu); máy bay và tàu vũ trụ (1,48%, nhập khẩu).

Bất kỳ hàng hóa nào từ nước ngoài vào lãnh thổ hải quan Indonesia đều được coi là “nhập khẩu” và thường phải chịu thuế nhập khẩu. Nhập khẩu hàng hóa vào Indonesia phải được tiến hành xác minh hải quan, tức là xác minh tài liệu và kiểm tra thực tế hàng hóa.



Nhập khẩu hàng hoá vào Indonesia phải được khai báo cho Cơ quan Hải quan Indonesia và sử dụng Tờ khai báo hải quan (PIB). Để có thể thực hiện các nghĩa vụ hải quan, nhà nhập khẩu phải đăng ký với Ủy ban Điều phối Đầu tư Indonesia (BKPM) để xin Số Đăng ký kinh doanh (NIB).

Thuế nhập cảng (duty) và thuế nhập khẩu (tax) phải nộp trước khi hàng hóa được đưa ra khỏi khu vực hải quan (sân bay và bến cảng).

Yêu cầu đối với nhà nhập khẩu

Nhà nhập khẩu có thể là một cá nhân hoặc công ty. Nhà nhập khẩu phải có Số Đăng ký kinh doanh (NIB). Nhập khẩu một số sản phẩm nhất định yêu cầu nhà nhập khẩu phải có Giấy phê duyệt nhập khẩu (PI).

Số Đăng ký kinh doanh (NIB)

Bất kỳ doanh nghiệp hiện có và/hoặc mới thành lập ở Indonesia đều phải có Số Đăng ký kinh doanh (NIB). NIB sẽ được sử dụng để nhận dạng hoạt động kinh doanh cho Doanh nhân để xin Giấy phép Kinh doanh, Giấy phép Thương mại hoặc Giấy phép Hoạt động. Số Đăng ký kinh doanh cũng là loại tài liệu để doanh nhân thực hiện gia hạn hoặc sửa đổi Giấy phép Kinh doanh và Giấy phép

Thương mại hoặc Hoạt động. NIB sẽ được thực hiện thông qua Hệ thống nộp đơn Trực tuyến một cửa (OSS).

NIB đại diện cho giấy phép sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký công ty (TDP)
- Đăng ký Hải quan (NIK)
- Số nhận dạng nhà nhập khẩu (API)

Mọi thay đổi đối với các thông tin trên phải được gửi qua hệ thống một cửa. Để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc các khoản đầu tư của mình, một công ty đầu tư hiện có hiện đang có khoản đầu tư tạm thời (đăng ký đầu tư) hoặc có giấy phép kinh doanh từ Ủy ban Điều phối Đầu tư Indonesia (“BKPM”) cũng sẽ phải xin giấy phép kinh doanh và / hoặc giấy phép thương mại thông qua hệ thống một cửa. Việc sửa đổi danh tính công ty, hiệp hội hoặc thông tin của công ty đầu tư mới và / hoặc tình trạng hiện tại nào (tức là sáp nhập, chuyển nhượng cổ phần và mua lại) sẽ không được thực hiện thông qua hệ thống một cửa và mọi thay đổi trước đó sẽ chỉ được thực hiện sau khi có sự chấp thuận của các cơ quan hữu quan của chính phủ, do đó sau khi hoàn thành, thông tin phải được cập nhật vào hệ thống một cửa.

Số nhận dạng nhà nhập khẩu (API)

Khi đăng ký NIB, nhà nhập khẩu phải chọn Số nhận dạng nhà nhập khẩu (API). Hiện tại có hai loại API dưới đây:

- API-U (API chung): Cấp cho các nhà nhập khẩu nhập khẩu hàng hóa để kinh doanh hoặc chuyển nhượng cho các bên khác.



- API-P (API nhà sản xuất): Cấp cho các nhà nhập khẩu hàng hóa để sử dụng làm nguyên liệu, vật liệu hỗ trợ và / hoặc hỗ trợ quá trình sản xuất.

Các nhà nhập khẩu sẽ chỉ có một loại số API (API-U hoặc API-P). Người nắm giữ API-P có thể nhập khẩu các hàng hóa sản xuất có thể thay thế cho nhau như hàng hóa bổ sung, hàng hóa thử nghiệm trên thị trường và hàng hóa sau bán hàng để phát triển hoạt động kinh doanh và đầu tư của mình. Việc nhập khẩu các hàng hóa trên phải được sự cho phép của Bộ Thương mại Indonesia với điều kiện những hàng hóa đó không được sử dụng trong quá trình sản xuất. Việc ban hành API-P cho ngành năng lượng, dầu khí, khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác cần có sự chấp thuận đặc biệt của các Bộ liên quan.

Giấy phép Phê duyệt Nhập khẩu (PI)

Giấy phép Phê duyệt Nhập khẩu là giấy phép nhập khẩu hàng hóa sản xuất có thể thay thế cho nhau như hàng hóa bổ sung, hàng hóa thử nghiệm trên thị trường và hàng hóa sau bán hàng. Phê duyệt nhập khẩu sẽ được Bộ Thương mại Indonesia ban hành kèm theo các khuyến nghị cụ thể từ các Bộ liên quan trước khi sản phẩm được nhập khẩu.

Việc nhập khẩu hàng hóa đã qua sử dụng (ví dụ máy móc cũ) chỉ có thể được thực hiện với sự cho phép đặc biệt của Bộ Thương mại Indonesia với điều kiện nhà nhập khẩu phải là:

- Người dùng trực tiếp,
- Công ty Tái tạo, và / hoặc
- Công ty Tái sản xuất.

Tờ khai hải quan (PIB)

Nhà nhập khẩu phải chuẩn bị Tờ khai Hải quan (PIB) khi nhập khẩu hàng hóa. Tờ khai hải quan phải kèm theo các chứng từ gồm hóa đơn thương mại, vận đơn hàng không (AWB) hoặc vận đơn (B/L), danh sách đóng gói (P/L), thư bảo hiểm, v.v. Có thể nộp chứng từ hải quan thông qua đường điện tử tới Tổng cục Hải quan Indonesia trong vòng 24 giờ sau khi nhà nhập khẩu có được số đăng ký tờ khai hải quan (PIB) của mình.

Việc sửa đổi tờ khai hải quan có thể được thực hiện trong một số trường hợp nhất định. Có thể điều chỉnh tờ khai hải quan với điều kiện hàng nhập khẩu chưa đưa ra khỏi khu vực hải quan tạm trú, công chức hải quan không phát hiện sai sót và chưa giám định.

Thủ tục nhập khẩu chung

Thủ tục nhập khẩu của Indonesia nhìn chung được thực hiện như sau:

1. Phương tiện vận chuyển hàng hóa đến Indonesia

Phương tiện vận chuyển hàng hóa (như tàu thủy, máy bay...) sẽ lên đường đến Indonesia. Trước khi phương tiện vận chuyển hàng hóa từ nước ngoài đến, người vận chuyển phương tiện phải thông báo cho Cơ quan Hải quan Indonesia về việc phương tiện đó sẽ đến Indonesia, chậm nhất là 24 giờ trước khi đến.

2. Hàng hóa nhập khẩu đến Indonesia

Khi phương tiện đến, người vận chuyển phải nộp tờ khai hải quan, tức là bản kê khai hải quan bằng Tiếng Indonesia hoặc tiếng Anh, có chữ ký của người vận chuyển cho Lãnh đạo Hải quan trong thời hạn nhất định sau khi phương tiện đến cảng (24 giờ đối với tàu biển; 8 giờ đối với máy bay; thực hiện ngay đối với vận tải đường bộ).



3. Dỡ hàng nhập khẩu

Hàng hoá nhập khẩu được tháo dỡ tại khu vực hải quan hoặc địa điểm khác sau khi được Trưởng phòng hoặc cán bộ Hải quan được uỷ quyền phê duyệt. Người vận chuyển phải cung cấp danh sách các công-

te-nơ hoặc số lượng hàng rời đã được dỡ xuống cho nhân viên có thẩm quyền tại Cơ quan Hải quan, bằng nộp trực tiếp hoặc qua đơn điện tử.

4. Thủ tục Thông quan / Giải phóng Hàng hóa Nhập khẩu từ Khu vực Hải quan

- Người/Doanh nghiệp nhập khẩu phải hoàn thành và nộp Tờ khai hải quan (PIB), tính thuế nhập cảng và thuế nhập khẩu, và thanh toán cho ngân hàng lưu ký;

- PIB và các tài liệu đính kèm, chẳng hạn như hóa đơn thương mại, P/L, 2B/L/AWB, bằng chứng nộp thuế nhập khẩu và thuế nhập khẩu, v.v., được trình lên Cơ quan Hải quan để phê duyệt;

- Hàng hoá nhập khẩu được đưa ra khỏi khu vực hải quan sau khi được cơ quan Hải quan chấp thuận.

5. Tính thuế nhập khẩu và thuế nhập khẩu bao gồm:

- Thuế nhập khẩu = Thuế hải quan x Trị giá CIF (Chi phí, Bảo hiểm và Cước phí);

- Thuế Giá trị gia tăng (VAT) = 10% x [Giá trị CIF cộng với thuế nhập khẩu];

- Các loại thuế khác như thuế thu nhập, thuế hàng hóa xa xỉ (LGST), thuế tiêu thụ đặc biệt...

6. Tờ khai hải quan tự nguyện

Tất cả hàng hóa vào Lãnh thổ Hải quan được coi như hàng hóa nhập khẩu và phải chịu thuế nhập khẩu. Thuế và các loại thuế dựa trên giá trị hải quan, lần lượt được tính dựa trên giá trị giao dịch. Giá trị giao dịch được xác định là giá thực tế đã thanh toán hoặc phải trả. Tuy nhiên, không phải tất cả các thành phần của trị giá hải quan đều có thể được xác định tại thời điểm nộp Tờ khai Hải quan (“PIB”), chẳng hạn như giá kỳ hạn, tiền bản quyền và tiền thu được.

Trong trường hợp không thể xác định được giá trị của hàng hóa vào thời điểm nộp PIB, nhà nhập khẩu sẽ thực hiện khai Tờ khai hải quan tự nguyện đóng vai trò như một chứng từ hỗ trợ, được giao cùng với PIB bản cứng sau khi hàng hóa được thông quan tại cảng đích. Nó sẽ ghi nhận tất cả hàng hóa nhập khẩu với giá ước tính phải trả và / hoặc chi phí phải được cộng vào giá trị của một giao dịch.

Theo Tờ khai Tự nguyện, nhà nhập khẩu sẽ chi trả Khoản thanh toán tự nguyện thuế nhập khẩu và các loại thuế khác không quá 7 (bảy) ngày kể từ ngày quyết toán giá cả, tiền bản quyền và tiền thu được.

III. Thông tin thị trường Hàn Quốc và thông tin về quy định nhập khẩu

1. Thông tin thương mại với thị trường Hàn Quốc

- Năm 2022, kim ngạch XNK của Việt Nam với Hàn Quốc đạt 86,4 tỷ USD, tăng 10,4% so với năm 2021 và chiếm 11,8% tổng kim ngạch XNK của Việt Nam với thế giới (730,2 tỷ USD).

+ Về xuất khẩu, Hàn Quốc đã vượt Nhật Bản trở thành thị trường xuất khẩu lớn thứ 3 của Việt Nam sau Hoa Kỳ, Trung Quốc với kim ngạch xuất khẩu đạt gần 24,3 tỷ USD (xuất khẩu sang Nhật Bản đạt 24,2 tỷ USD). Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là Thủy sản, dệt may, gỗ và các sản phẩm gỗ, giày dép các loại,



máy móc, máy vi tính, điện thoại và các thiết bị điện tử; phương tiện vận tải và phụ tùng.

+ Về nhập khẩu, Hàn Quốc là thị trường nhập khẩu lớn thứ 2 (chỉ sau Trung Quốc) với tổng kim ngạch nhập khẩu ở mức 62,1 tỷ USD. Việt Nam nhập siêu từ Hàn

Quốc khoảng 37,8 tỷ USD, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2021. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là các mặt hàng là nguyên liệu như chất dẻo, vải, hóa chất, xăng dầu, sắt thép, kim loại; linh kiện điện tử; máy móc và các thiết bị sản xuất.

- Thế mạnh của công nghệ/công nghiệp Hàn Quốc là các ngành: điện tử, ô tô, hoá chất, đóng tàu (lớn nhất thế giới với các công ty đa quốc gia như Hyundai và Samsung Heavy Industries), thép (với POSCO là nhà sản xuất thép lớn thứ 3 thế giới), sợi, quần áo, da giày, chế biến thức ăn. Hiện nay Hàn Quốc đang đẩy mạnh phát triển các ngành công nghệ cao (hạt nhân, điện tử, tin học, sinh học, vật liệu mới, năng lượng mới, công nghệ xanh - sạch...) và đi đầu thực hiện mô hình mới về tăng trưởng qua chiến lược phát triển xanh.

Các ngành kinh tế mũi nhọn:

- Ngành công nghiệp điện tử số
- Ngành công nghiệp thông tin viễn thông
- Ngành chất bán dẫn
- Ngành công nghiệp ô tô
- Ngành công nghiệp thép
- Ngành công nghiệp đóng tàu
- Ngành công nghiệp dệt
- Ngành công nghiệp phụ tùng nguyên liệu

2. Thông tin về các Luật và quy định liên quan đến nhập khẩu các mặt hàng thực phẩm

2.1. Các Luật và quy định liên quan

1. Luật vệ sinh thực phẩm: nhằm mục đích ngăn ngừa nguy cơ từ các mối nguy hiểm về vệ sinh của các sản phẩm thực phẩm. Một mục tiêu khác của luật này là cải thiện sức khỏe quốc gia thông qua những tiến bộ về chất lượng trong thực phẩm và dinh dưỡng.



2. Luật kiểm dịch thực vật: nhằm ngăn chặn sự phát triển và xâm nhập của côn trùng độc hại và góp phần an toàn và sản xuất nông, lâm nghiệp.

3. Luật phòng chống dịch bệnh gia súc: nhằm mục đích ngăn chặn sự xuất hiện

hoặc tăng thêm của dịch bệnh gia súc và góp phần phát triển ngành chăn nuôi, đồng thời cải thiện sức khỏe cộng đồng.

4. Luật Ngoại thương: nhằm thúc đẩy ngoại thương và phát triển nền kinh tế quốc gia thông qua trao đổi và thương mại.

5. Pháp luật liên quan đến ghi nhãn thực phẩm: quy định giúp người tiêu dùng lựa chọn sản phẩm một cách hợp lý dựa trên thông tin bằng cách hiển thị thông tin liên quan đến thực phẩm trên hộp đựng hoặc gói hàng.

6. Các luật khác liên quan đến nhập khẩu, chẳng hạn như Luật quản lý ngũ cốc và Luật thuế rượu.

2.2. Các mặt hàng cụ thể áp dụng quy định theo các Luật và quy định khi nhập khẩu vào Hàn Quốc

Mặt hàng	Luật vệ sinh thực phẩm	Luật kiểm dịch thực vật	Luật phòng chống dịch bệnh gia súc	Luật Ngoại thương	Luật và quy định khác
Rau củ, trái cây (tươi, đông lạnh, hoặc khô)	X	X (lưu ý 1)		X	
Thịt và các sản phẩm thịt đã được chế biến	X		X	X	
Cá và nghêu (tươi, đông lạnh, muối hoặc sấy khô)	X			X	
Sản phẩm trà và cà phê đã chế biến	X	Lưu ý 2			
Gạo	X	Lưu ý 1			Luật về quản lý ngũ cốc
Đồ uống có cồn	X				Luật về thuế rượu
Thực phẩm đã qua chế biến (đóng hộp, đóng chai, hoặc vận lại)	X	Lưu ý 3	Lưu ý 1	X	

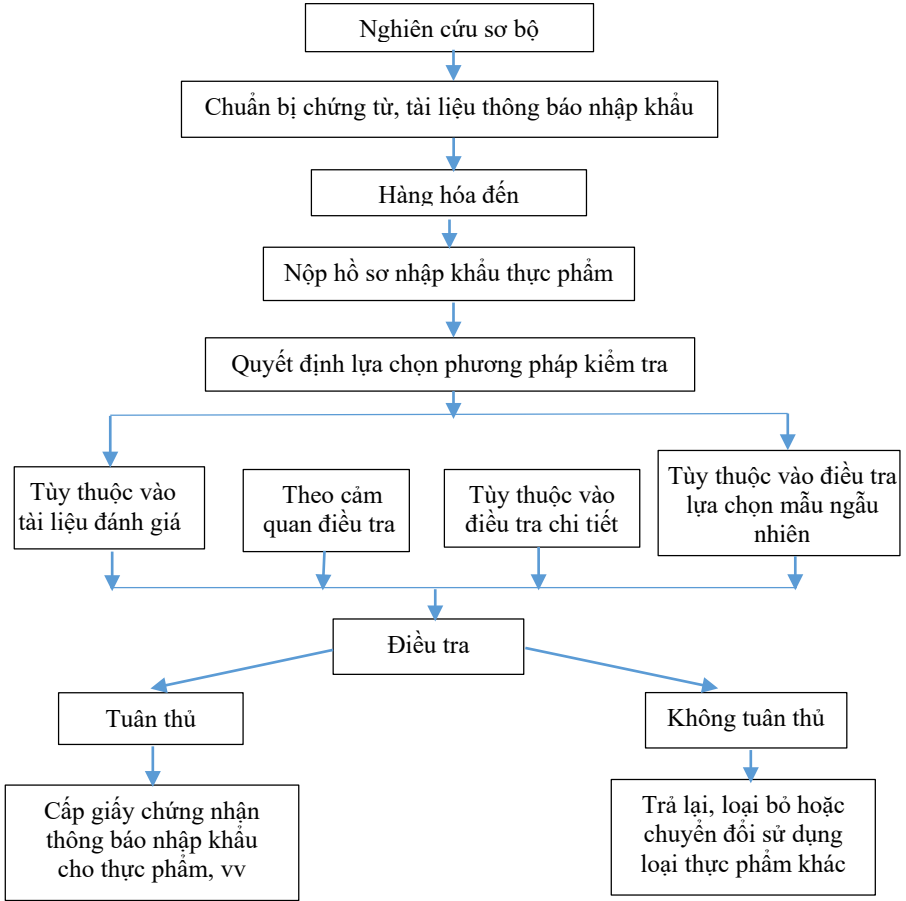
Các lưu ý

1. Một số mặt hàng được miễn kiểm dịch để sản xuất, gia công. Chi tiết được quy định trong Luật kiểm dịch thực vật và Phòng chống dịch bệnh vật nuôi

2. Điều này bao gồm lá trà khô và hạt cà phê. Chi tiết được cung cấp trong Luật Kiểm dịch thực vật

3. Trái cây đóng hộp hoặc đóng chai đã được tiệt trùng và khử trùng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Kiểm dịch thực vật.

2.3. Thủ tục thông báo nhập khẩu thực phẩm



Lưu ý:

1. Thông báo nhập khẩu thực phẩm và hàng hóa khác được thực hiện thông qua thủ tục hải quan đơn giản hóa thông quan của Dịch vụ Hải quan Hàn Quốc hoặc dịch vụ trực tuyến của Cục Quản lý Thực phẩm & Dược phẩm Hàn Quốc.
2. Hồ sơ công bố nhập khẩu bao gồm quy trình sản xuất, danh mục nguyên vật liệu và Giấy chứng nhận vệ sinh an toàn.

2.4. Các chứng từ và tài liệu đối với các nhà xuất khẩu

Mặt hàng	Chứng từ và tài liệu cần thiết
Thịt và các sản phẩm thịt đã được chế biến	Giấy chứng nhận vệ sinh: do chính phủ nước xuất khẩu cấp.
Thủy sản (tươi, đông lạnh, khô)	Giấy chứng nhận vệ sinh: do cơ quan chính phủ thích hợp của nước xuất khẩu cấp quốc gia. Giấy chứng nhận phải ghi rõ các thông tin sau: loại cá, vùng đánh bắt và chế biến hợp vệ sinh. Tuy nhiên, giấy chứng nhận vệ sinh chỉ được yêu cầu đối với hải sản nhập khẩu từ các quốc gia tham gia hiệp ước kiểm dịch thực vật với Hàn Quốc-Trung Quốc, Việt Nam, Thái Lan và Indonesia.
Thực phẩm chế biến	Danh mục nguyên liệu: tỷ lệ phụ gia thực phẩm phải được đưa ra chính xác tên khoa học, do nhà sản xuất phát hành hoặc chuẩn bị (nếu bằng tiếng Anh hoặc các ngôn ngữ khác thì phải được dịch sang tiếng Hàn) Chi tiết sản xuất và gia công: tài liệu mang quy trình tổng thể từ nguyên liệu vật liệu đến thành phẩm. Để chế biến bằng khử trùng, đông lạnh hoặc hấp nhiệt độ phải được chỉ định. Chuẩn bị và chữ ký của nhà sản xuất. Phân tích thành phần (khi cần thiết) Các yếu tố dinh dưỡng (khi cần thiết) Tên và địa chỉ của nhà sản xuất và nơi sản xuất Tài liệu được công nhận là cần thiết bởi Cục trưởng Cục Quản lý Thực phẩm & Dược phẩm Hàn Quốc (KFDA) để đảm bảo an toàn thực phẩm như báo cáo kiểm tra về dư lượng dioxin, chính phủ giấy chứng nhận của nước sản xuất tuyên bố rằng động vật nhai lại không bị nhiễm BSE đã được sử dụng (khi cần thiết); giấy chứng nhận của nước sản xuất tuyên bố rằng động vật nhai lại không bị nhiễm BSE đã được sử dụng (khi cần thiết)
Các loại khác	Giấy chứng nhận kiểm định (rau, trái cây, nấm, v.v.) Giấy chứng nhận xuất khẩu (đối với trái cây đông lạnh, giấy chứng nhận rằng trái cây đã được đông lạnh dưới -17,8C) Người xuất khẩu phải chuẩn bị các chứng từ cần thiết để kiểm tra, kiểm dịch theo quy định loại thực phẩm và nước xuất khẩu, chẳng hạn như giấy chứng nhận vệ sinh, giấy chứng nhận kiểm tra hoặc báo cáo kiểm tra

a. Giấy chứng nhận kiểm định hoặc kết quả kiểm định

Nếu cần thiết, nhà xuất khẩu hoặc nhà nhập khẩu có thể chuẩn bị giấy chứng nhận giám định hoặc báo cáo giám định do các tổ chức giám định có thẩm quyền trong nước hoặc nước ngoài cấp.

Các nhà nhập khẩu thực phẩm phải loại bỏ, trả lại hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng của hàng hóa nhập khẩu khi mặt hàng đó quyết định là không phù hợp sau

khi kiểm tra và kiểm dịch. Trong trường hợp này, nhà nhập khẩu có thể bị thiệt hại do chi phí và thời gian để loại bỏ hoặc trả lại thực phẩm. Khuyến khích thương nhân nhập khẩu thực phẩm phải tham khảo Luật vệ sinh thực phẩm để nhận sản phẩm mẫu từ nhà xuất khẩu và để kiểm tra dư lượng thuốc trừ sâu, sử dụng phụ gia thực phẩm và sự hiện diện của chất độc hại hoặc vật liệu có hại.



Giấy chứng nhận kiểm tra khác với thông báo nhập khẩu đối với thực phẩm và hàng hóa khác. Nếu như sau khi kiểm tra, mặt hàng thực phẩm nhập khẩu tuân thủ Luật vệ sinh thực phẩm của Hàn Quốc, nhà nhập khẩu có thể tiến hành nhập hàng. Trong trường hợp người nộp đơn nhập khẩu nộp hồ sơ kiểm tra giấy chứng

nhận hoặc báo cáo giám định do các tổ chức giám định trong nước hoặc nước ngoài cấp được Cục Quản lý Thực phẩm & Dược phẩm Hàn Quốc công nhận, kiểm tra chi tiết mặt hàng liên quan có thể diễn ra. Việc kiểm tra các mặt hàng thực phẩm cũng có thể được điều chỉnh.

b. Cục Quản lý Thực phẩm & Dược phẩm Hàn Quốc (KFDA) có thể bỏ qua một phần hoặc toàn bộ quy trình kiểm định trong các trường hợp sau:

Khi mặt hàng thực phẩm không thuộc danh mục thực phẩm nguy hiểm, theo quy định tại Luật Vệ sinh Thực phẩm. Mặt hàng phải nằm trong danh sách tích cực của Cục Quản lý Thực phẩm & Dược phẩm Hàn Quốc.

KFDA phải xác nhận rằng mặt hàng đó không vi phạm Luật Vệ sinh Thực phẩm. Thủy sản hoặc thực vật phải có bao gồm giấy phép từ chính phủ của nước xuất khẩu. Quy tắc này chỉ áp dụng khi hàng nhập khẩu từ Hàn Quốc được coi theo cách tương tự.

Khi kết quả giám định hoặc chứng thư giám định do cơ quan trong nước hoặc các tổ chức kiểm tra quốc tế được công nhận và ghi nhận bởi Cục Thực phẩm & Dược phẩm Hàn Quốc Quản lý (KFDA)

Khi mặt hàng đã được nhập khẩu bởi một nhà nhập khẩu đã đăng ký với thành tích xuất sắc.

c. Đăng ký kiểm tra nâng cao và xác nhận Thực phẩm Nhập khẩu

Các nhà nhập khẩu đăng ký Kiểm tra nâng cao và Xác nhận Thực phẩm Nhập

khẩu phải nộp Đơn đăng ký Biểu mẫu kiểm tra nâng cao và xác nhận thực phẩm nhập khẩu và các mặt hàng khác cho thực phẩm và dược phẩm Hàn Quốc Quản lý (KFDA) cùng với các tài liệu sau (tài liệu điện tử được chấp nhận).

- Chứng từ mặt hàng xuất khẩu gồm các thông tin sau

Thực phẩm: tên sản phẩm, tên nguyên liệu sử dụng; danh sách các vật liệu, phương pháp sản xuất và xử lý.

Phụ gia thực phẩm: tên và tiêu chuẩn thành phần của phụ gia thực phẩm

Thiết bị, thùng chứa hoặc gói hàng: vật liệu, cách sử dụng và màu nền cũng như hình ảnh hiển thị toàn bộ diện mạo của sản phẩm.

- Bản chính biên bản giám định hoặc chứng thư giám định do cơ quan giám định trong nước hoặc thể chế nước ngoài cấp. Báo cáo phải nêu rõ các mặt hàng thực phẩm tuân thủ các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật để nhập khẩu thực phẩm và các mặt hàng liên quan đến Hàn Quốc.

- Địa chỉ nhà máy sản xuất, gia công, bản đồ công trình (bao gồm cả máy móc, thiết bị cài đặt) và các tài liệu trên trang web làm việc.

d. Các thông tin liên quan đến quy định về nhãn sản phẩm

Nhãn thực phẩm giúp người tiêu dùng có sự lựa chọn hợp lý từ sự so sánh thuận tiện dựa trên hiển thị các thông tin khác nhau của thực phẩm như chất lượng, thành phần, ngày sản xuất, ngày phân phối, cách sử dụng, thành phần dinh dưỡng, v.v. trên bao bì hoặc hộp đựng. Nhãn giúp nhà sản xuất để thông báo các tính năng tuyệt vời của sản phẩm của họ và liên quan đến Nhãn giúp nhà sản xuất thông báo các tính năng tuyệt vời của sản phẩm của họ và liên quan đến các chính phủ để trình bày và quản lý các tiêu chuẩn thúc đẩy thương mại minh bạch và công bằng. Tất cả hàng hóa nhập khẩu vào Hàn Quốc phải có nhãn mác theo quy định tiêu chuẩn do pháp luật quy định.

Luật Vệ sinh Thực phẩm là nền tảng của quy định về các sản phẩm thực phẩm tại Hàn Quốc. Tiêu chuẩn đối với nhãn thực phẩm được thực hiện bởi Cục Quản lý Thực phẩm & Dược phẩm Hàn Quốc, thông qua các quy định trên nhãn phụ gia thực phẩm, thiết bị, bao bì, dụng cụ chứa đựng, kể cả thực phẩm hợp vệ sinh sự điều khiển. Thông tin cơ bản phải được cung cấp, về



sản phẩm và tên công ty, lưu hành thời gian, nguyên liệu được sử dụng, cũng như chất dinh dưỡng và thực phẩm hữu cơ.

Các Luật liên quan về nhãn thực phẩm bao gồm:

Luật thực phẩm chức năng sức khỏe: thúc đẩy chất lượng của thực phẩm chức năng sức khỏe và cung cấp chính xác thông tin đến người tiêu dùng;

Luật Chế biến Chăn nuôi: quy định về nhãn sản phẩm chăn nuôi;

Luật quản lý chất lượng sản phẩm nông nghiệp quy định chi tiết về các sản phẩm nông nghiệp và hiển thị nguồn gốc của chúng;

Luật quản lý ngũ cốc quy định các tiêu chuẩn chi tiết về ghi nhãn đối với ngũ cốc đóng gói;

Luật quản lý chất lượng hải sản quy định chi tiết về hải sản, sản phẩm chế biến và nguồn gốc của chúng;

Luật thuế rượu quy định nhãn đồ uống có cồn;



Luật Ngoại thương quy định về ghi nhãn nước xuất xứ của sản phẩm;

Luật về Thúc đẩy Tái chế và Tiết kiệm Tài nguyên quy định về thiết kế, trưng bày thu gom chất thải, tiêu chuẩn dán nhãn và phương pháp thu gom rác thải được

phân loại.

“Tiêu chuẩn ghi nhãn thực phẩm” dựa trên Đạo luật vệ sinh thực phẩm, với hai thành phần: tiêu chuẩn chung và riêng. Tiêu chuẩn chung bao gồm tên sản phẩm, loại thực phẩm, tên công ty và nơi sản xuất, ngày sản xuất, hạn lưu hành, số lượng, nguyên liệu và thành phần, thành phần và nội dung, chất dinh dưỡng, và các mặt hàng liên quan. Tiêu chuẩn riêng quy định nhãn của 29 mặt hàng thực phẩm tiêu dùng cá nhân như bánh kẹo, bánh mì, bánh gạo, mứt, đường...

Thực phẩm phải dán nhãn

Các mặt hàng thực phẩm hoặc chất phụ gia nhập khẩu vào Hàn Quốc phải được dán nhãn theo Luật Vệ sinh Thực phẩm.

Chúng bao gồm các sản phẩm thực phẩm hoặc phụ gia được lưu thông và bán dưới dạng gói, hộp hoặc dụng cụ.

Ghi nhãn các mặt hàng

Nhãn chung cho thực phẩm nhập khẩu hoặc phụ gia thực phẩm khác nhau tùy theo loại thực phẩm. Các thông tin trên nhãn bao gồm các mục sau, tùy thuộc vào sản phẩm.

- a. Tên sản phẩm (không bao gồm thiết bị, thùng chứa và gói hàng)
- b. Loại sản phẩm thực phẩm (giới hạn đối với các sản phẩm được chỉ định riêng).
- c. Tên công ty và địa chỉ
- d. Ngày sản xuất (giới hạn đối với các sản phẩm được chỉ định riêng)
- e. Thời gian lưu hành (không bao gồm phụ gia thực phẩm, thiết bị, thùng chứa và bao bì)
- f. Trọng lượng (không bao gồm thiết bị, thùng chứa và gói hàng)
- g. Tên của nguyên liệu (thiết bị, thùng chứa và bao bì được hiển thị dưới dạng nguyên liệu) và nội dung (chỉ khi sử dụng nguyên liệu thô như một phần của tên sản phẩm hoặc tên sản phẩm)
- h. Thành phần và nội dung (chỉ khi sử dụng thực phẩm và thành phần được hiển thị như một phần của tên sản phẩm hoặc tên sản phẩm hoặc tên sản phẩm)
- i. Các yếu tố dinh dưỡng (giới hạn trong các sản phẩm được chỉ định riêng)
- j. Các thông tin khác được quy định trong các tiêu chuẩn ghi nhãn chi tiết cho thực phẩm và các thông tin những sản phẩm tương tự khác.

Phương pháp dán nhãn

Phương pháp dán nhãn sẽ được hiển thị như sau với màu sắc tách biệt rõ ràng với màu nền để người tiêu dùng dễ nhận biết.

Phương pháp dán nhãn cho hàng hóa nhập khẩu như sau.



Thực phẩm lưu thông tại nước xuất khẩu phải ghi nhãn của nước đó. nhãn dán có thể sử dụng chữ in bằng tiếng Hàn nhưng không được tháo rời. Nhãn không được ẩn các thông tin chính như tên sản phẩm, tên nguyên liệu sử dụng, hạn lưu hành, ngày sản xuất và các mặt hàng khác,

phải được hiển thị trong bao bì gốc hoặc thùng đựng hàng. Tuy nhiên, các sản phẩm thực phẩm nhập khẩu sử dụng bao bì Hàn Quốc sẽ không có nhãn trên hình thức dán.

Tên của quốc gia xuất khẩu và nhà sản xuất có thể được hiển thị bằng ngôn ngữ của họ trong Nhãn dán tiếng Hàn.

Khi các mục nhãn không thể hiển thị trên không gian chính, các chữ cái có phong chữ 12 điểm hoặc nhiều hơn sẽ được áp dụng trên tiêu đề ghi nhãn toàn diện.

Đối với các mặt hàng thực phẩm và phụ gia được sản xuất hoặc chế biến sản phẩm riêng biệt, chỉ tên sản phẩm, nhà sản xuất, ngày sản xuất thời gian lưu hành hoặc ngày bảo trì chất lượng sẽ được hiển thị. Có thể bỏ qua nhãn tiếng Hàn khi nhãn được hiển thị bằng tiếng Anh hoặc ngôn ngữ của quốc gia xuất khẩu.

Nhãn tiếng Hàn có thể được bỏ qua đối với các sản phẩm nông nghiệp và hải sản tự nhiên không đựng trong bao bì, vật chứa và thực phẩm nhập khẩu để sử dụng ở nước ngoài.

